

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/DS-ST

Ngày: 20 - 11 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàn Thanh

2. Ông Hồ Trung Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **D**, sinh năm 1974 - Đại diện Hộ kinh doanh L. Địa chỉ: ấp A, xã T (xã D cũ), huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà D là anh H, sinh năm 1990; Địa chỉ: khóm C, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **P**, sinh năm 1962 (có mặt).

2.2. Bà **C**, sinh năm 1960.

Người đại diện hợp pháp của bà C là ông P, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà D có người đại diện hợp pháp là anh H trình bày:*

Bà D là chủ hộ kinh doanh L chuyên kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vào ngày 6/9/2018 vợ chồng ông P và bà C (do Công an xã xác nhận nhằm nên ghi tên T) có mua phân bón, thuốc trừ sâu tại cửa hàng của bà D. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận, bà D đã giao vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho vợ chồng ông P, bà C. Tính đến ngày 03/02/2019 vợ chồng ông bà còn nợ bà D là 31.787.000 đồng. Bà D đã nhiều lần yêu cầu ông P, bà C trả nợ nhưng ông bà chỉ hứa hẹn. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông P và bà C trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu vốn là 31.787.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi, tạm tính từ ngày 03/02/2019 đến ngày 03/6/2020 là 16 tháng với lãi suất 1,66%/tháng là 8.442.000 đồng (tính tròn) đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (tính lãi suất 1,66%/tháng).

Tại bản khai ngày 19/10/2020 bà D yêu cầu ông P bà C trả số tiền vốn 29.935.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- *Tại bản khai ngày 09/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án ông P là bị đơn và là người đại diện hợp pháp của bà C trình bày:*

Ông xác định vợ ông có tên đúng là C, sinh năm 1960 chứ không phải T, sinh năm 1966. Vợ chồng ông có mua phân bón, thuốc trừ sâu (để trồng khoai lang) tại cửa hàng của bà D từ năm 2017. Việc mua bán giữa hai bên có thỏa thuận phía ông mua thiếu, đến cuối mùa vụ (thu hoạch khoai) trả. Bà D có giao cho ông giữ 01 sổ ghi ngày tháng năm mua (phân bón, thuốc trừ sâu), tên hàng, số tiền; bà D cũng có ghi sổ của bà D. Tính đến ngày 03/02/2019 vợ chồng ông còn nợ bà D là 31.787.000 đồng (xác định theo sổ của ông). Nay bà D khởi kiện vợ chồng ông, ông đồng ý trả tiền vốn 31.787.000 đồng; ông không đồng ý trả tiền lãi vì hiện nay gia đình ông đang gặp khó khăn.

Tại phiên hòa giải ngày 15/6/2020 ông P đồng ý trả bà D tiền vốn là 29.935.000 đồng vì theo sổ mà bà D đã giao ông giữ thì bà D đã tính nhầm số tiền của ông nên bà D cộng sổ thành số tiền 31.787.000 đồng; ông không đồng ý trả tiền lãi vì khi bà D đã tính tiền hàng hóa thì bà Đào đã tính lãi.

- *Tại phiên tòa:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông P và bà C trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu vốn là 29.935.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 03/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/11/2020) là 21 tháng 17 ngày x 1,66%/tháng x 29.935.000 đồng = 10.716.000 đồng (làm tròn số).

Ông P trình bày: Vợ chồng ông đồng ý trả bà D số tiền 31.787.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà D khởi kiện yêu cầu ông P và bà C trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ nên đây là tranh chấp

“hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông P và bà C trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu vốn là 29.935.000 đồng.

Việc mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà D với vợ chồng ông P và bà C là có thật căn cứ vào Sổ ghi theo dõi việc mua bán và lời thừa nhận của ông P bà C, tính đến ngày 03/02/2019 vợ chồng ông còn nợ bà D là 29.935.000 đồng.

Do ông P bà C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà D, vì vậy ông P bà C đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền cho bà D nên yêu cầu của bà D là có căn cứ phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận, buộc ông P bà C phải trả bà D số tiền còn nợ 29.935.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi của bà D:

Từ ngày 03/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/11/2020) là 21 tháng 17 ngày x 1,66%/tháng x 29.935.000 đồng = 10.716.000 đồng (làm tròn số).

Là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông P và bà C phải chịu 2.032.500 đồng (5% số tiền phải trả). Bà D không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D - Đại diện Hộ kinh doanh L do anh H đại diện.

2. Buộc ông P và bà C có trách nhiệm trả bà D số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ vốn là 29.935.000 đồng (*Hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) và lãi 10.716.000 đồng (*Mười triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông P và bà C phải nộp 2.032.500 đồng (*Hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả bà D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.112.000 đồng (*Một triệu một trăm mười hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011399 ngày 04/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

